

Ngành Dệt may

Báo cáo giới thiệu niêm yết

03 tháng 01, 2017

THÔNG TIN CẬP NHẬP

Sàn giao dịch	UPCOM
Khoảng giá 52 tuần	N/a
Vốn hóa	N/a
SL cổ phiếu lưu hành	500.000.000
KLGD bình quân 10 ngày	N/a
% sở hữu nước ngoài	11,01%
Room nắm giữ nước ngoài	49%
Giá trị cổ tức/cổ phần	N/a
Tỷ lệ cổ tức/thị giá	N/a
Beta	N/a

Chuyên viên phân tích

Trưởng Sứ Phú

(84 8) 3914 6888 ext 258

truongsyphu@baoviet.com.vn

Tập Đoàn Dệt May Việt Nam

Mã giao dịch: VGT

Nhà sản xuất hàng may mặc hàng đầu Việt Nam với chuỗi cung ứng hoàn thiện.

Vinatex là một trong những nhà sản xuất dệt may hàng đầu Việt Nam: Tập đoàn Dệt may Việt Nam (Vinatex - VGT) là doanh nghiệp có capital chi phí cao. Nhà nắm giữ vốn đầu tư 5.000 tỷ đồng. Vinatex đang hoạt động theo mô hình mẹ con với 11 công ty con và 19 công ty liên kết trong lĩnh vực dệt may. Tỷ lệ tính toán kim ngạch xuất khẩu từ các đơn vị có vốn của Vinatex vào năm 2015 chiếm hơn 10% tổng kim ngạch xuất khẩu dệt may của Việt Nam.

Sở hữu chuỗi cung ứng hoàn thiện là thế mạnh: Vinatex có đầy đủ các thành phần của chuỗi từ tạo thành chuỗi giá trị hoàn chỉnh bao gồm kéo sợi, dệt – nhuộm vải, may và khâu nghiên cứu đào tạo, làm nên từng bộ Tập đoàn tiến bộ gia công thu mua tuý CMT lên sản xuất xuất khẩu ODM. Ngoài ra, đây cũng là đi đầu tiên của bên đầu tư ngành thu mua đầu tư theo các hiệp định thương mại.

Tập tài chủ đầu tư mạnh mẽ hoàn thiện chuỗi giá trị: Năm 2015 – 2016, tập tài chủ đầu tư hiện định hướng phát triển của Tập Đoàn, Vinatex tập tài chủ đầu tư mạnh mẽ quy mô sản xuất với hàng loạt các dự án như nhà máy Sợi Phú Hòa giai đoạn 2, nhà máy may Kiên Giang, nhà máy vải Yarn dyed Long An, ...

Tuy nhiên hiệu quả hoạt động chưa thể xứng với tiềm năng của Vinatex: hiệu quả hoạt động của Vinatex còn kém hơn rất nhiều so với mức trung bình ngành. Hiệu suất mới chỉ sơ, đặc biệt là chi phí sinh lời trên vốn chủ sở hữu.

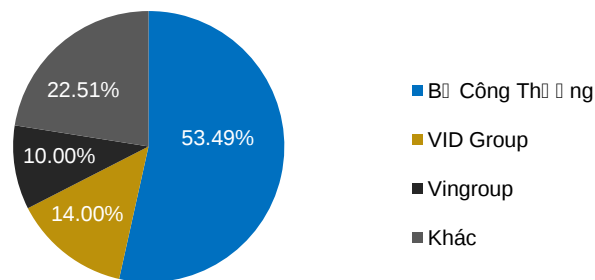
Quyền sở hữu dệt đai là một trong những điểm mạnh quan trọng của Vinatex: Giống như các doanh nghiệp Nhà nắm giữ khác, Vinatex sở hữu rất nhiều quy mô dệt đai có giá trị cao bắt nguồn từ các nhà máy, nhà xưởng và văn phòng làm việc cũ, đặc biệt là một số miệt dệt đai vàng có diện tích lớn tại Hà Nội. Chúng tôi đoán đây có thể là lý do chính khiến thích vì sao trong danh sách cổ đông lớn của Vinatex có tên của Tập đoàn Vingroup.

Quan điểm đầu tư: Vinatex sẽ niêm yết 500 triệu cổ phiếu lên sàn UPCOM vào ngày 03/01/2017 với giá khởi điểm 13.500 đồng/cổ phiếu, tương ứng với P/E 15,31x, P/B 0,91x và P/S 0,51x. Tuy các chỉ số định giá này cao hơn so với mức trung bình ngành của các công ty dệt may đã niêm yết tại Việt Nam, chúng tôi cho rằng mức giá chào trên vốn đáng để xem xét cho danh mục đầu tư dài hạn với những lưu ý điểm đầu tư như sau: (i) Ngành dệt may vốn là ngành mà Việt Nam có lợi thế so sánh tương đối trong khu vực và trên thế giới, (ii) vị thế và thế mạnh của Vinatex trong ngành; (iii) sở hữu chuỗi cung ứng khép kín, sản phẩm sang trọng và lợi thế các hiệp định thương mại; (iv) sở hữu kho tài sản đầu tư đai có giá trị lớn, là tâm điểm chú ý của nhiều nhà đầu tư tiềm năng; (v) trở thành Công ty đầu tiên chúng đã niêm yết, kỳ vọng áp lực đầu tư và nhà đầu tư sẽ khiến hiệu quả của Vinatex ngày càng được cải thiện.

Vinatex là một trong những nhà sản xuất dệt may hàng đầu Việt Nam

Tập đoàn Dệt may Việt Nam (Vinatex - VGT) là doanh nghiệp có vốn đầu tư chi phí của Nhà nước với vốn đầu tư 5.000 tỷ đồng. Vinatex đang hoạt động theo mô hình mẹ con với 11 công ty con và 19 công ty liên kết trong lĩnh vực dệt may. Tổng tính tổng kim ngạch xuất khẩu từ các đơn vị có vốn của Vinatex vào năm 2015 chiếm hơn 10% tổng kim ngạch xuất khẩu dệt may của Việt Nam.

Hình 1: Cơ cấu sở hữu của Vinatex



Hình 2: Sản lượng qua các năm của Vinatex

Chỉ tiêu	Đơn vị	2012	2013	2014	2015
Sản lượng toàn bộ	ngành dệt may	92,3	107,4	113,5	121,9
Với các loại vải	triệu m ²	172,1	167,2	171,4	189,7
SP may các loại vải	triệu SP	196,8	213,5	214,3	222,8

Nguồn: Vinatex

Sở hữu chuỗi cung ứng hoàn thiện là thế mạnh

Với lịch sử 50 năm hình thành và phát triển, Vinatex có đầy đủ các thành phần của chuỗi từ khâu thành chuỗi giá trị hoàn chỉnh bao gồm kéo sợi, dệt – nhuộm vải, may và khâu nghiên cứu đào tạo, làm nên một tập đoàn tiên tiến gia công thu mua tuý CMT lên sản xuất xuất khẩu ODM. Ngoài ra, đây cũng là điểm nổi bật của hệ thống thu mua tuý theo các hiệp định thương mại như EU – VN FTA, VN – Hàn Quốc, VN – EAEU FTA, ... Vinatex và các đơn vị thành viên đã đạt trình độ tiên tiến, có khả năng thực hiện hầu hết các loại đơn hàng đa dạng với các cấp chất lượng khác nhau.

Hình 3: Năng lực sản xuất của Vinatex

Nhà máy Sợi	Nhà máy Dệt - Nhuộm	Nhà máy May
12 đơn vị dệt - Trên 87 vạn tấn sợi - Sản lượng dệt trên 137 nghìn tấn	5 đơn vị dệt sản xuất vải dệt kim - 18.000 tấn/năm 5 đơn vị dệt sản xuất vải dệt thoi - 124 triệu mét/năm	22 Tổng công ty và Công ty - Trên 1.700 chuyên may - Công suất 300 triệu sản phẩm/năm

Nguồn: Vinatex

thị trường ng n i địa, các công ty thành viên c a Vinatex nh Hanosimex, May 10, Vi t Ti n, Phong Phú, Vi t Th ng, Nhà Bè, ... cũng t xây d ng các c a hàng th i trang mang nhãn hi u riêng đ ph c v cho th tr ng n i địa.

Hình 4: Danh sách các đ n v thành viên c a Vinatex

STT	Tên công ty	V n đ i u l (t đ ng)	T l s h u
1	TCT D t may Mi n B c	500,0	100,0%
2	TCT D t may Mi n Nam	520,0	100,0%
3	Doximex	115,2	100,0%
4	Dopimex	164,5	100,0%
5	TCT CP Phong Phú	733,5	51,0%
6	Hotexco	165,4	65,0%
7	Hutexco	50,0	65,5%
8	Natexco	136,0	53,7%
9	CTCP S i Phú Bài	50,0	53,8%
10	CTCP Đ u t i Phát tri n Vinatex	76,1	49,0%
11	CTCP Len Vi t Nam	41,0	67,1%
12	CTCP Bông Vi t Nam	50,0	55,0%
13	CTCP SX-NK D t may	42,8	68,3%
14	CTCP Phát tri n H t ng Ph N i	80,0	51,0%
15	CT TNHH SXKD NL D t may VN	47,6	61,6%
16	TCT CP May Vi t Ti n	420,0	31,9%
17	TCT CP May Nhà Bè	182,0	27,7%
18	TCT CP May 10	100,0	35,5%
19	Vicotex	210,0	46,9%
20	Dugarco	61,8	36,8%
21	Donagamex	59,8	25,7%
22	Hugamex	94,1	29,2%
23	TCT CP May Đáp C u	45,0	24,0%
24	CTCP Vinatex Đà N ng	29,9	20,0%
25	Hugaco	135,5	35,0%
26	CTCP May Nam Đ nh	12,0	30,0%
27	CTCP Vinatex OJ	29,0	30,0%
28	CTCP D t may Liên Ph ng	235,0	30,8%
29	CT TNHH May m c XK Tân Châu	8,1	44,0%
30	Bigamex	0,4	25,0%
31	Chigamex	27,8	22,0%
32	CTCP TVXD và DV Đ u t i	2,6	23,5%
33	CTCP Đ u t i Vinatex Tân T o	110,0	27,0%
34	CTCP D t may Vi n thông Sài Gòn - Vina	200,0	42,7%

Ng u n: Vinatex

Ti p t c đ u t m r ng hoàn thi n chu i giá tr

Năm 2015 – 2016, ti p t c th c hi n đ nh h ng phát tri n c a T p Đoàn, Vinatex ti p t c đ u t m r ng quy mô s n xu t v i hàng lo t các đ án nh nhà máy S i Phú H ng giai đ o n 2, nhà máy may Kiên Giang, nhà máy v i Yarndyed Long An, nhà máy may C n Th , nhà máy may B c Liêu, ... T ng chi phí xây đ ng c b n đ dang c a Vinatex t i th i đi m 30/09/2016 lên đ n 1.252 t đ ng.

Hình 5: M t s đ án đ u t c a Vinatex

STT	Tên đ án	Quy mô	Đ n v tính
1	Nhà máy S i Nam Đ nh	4,770	t n/năm
2	Nhà máy S i Phú C ng	6,000	t n/năm
3	Nhà máy May Vinatex C n Th	7	tri u sp/năm
4	Nhà máy May B c Liêu	6	tri u sp/năm
5	Nhà máy May L Thu - Qu ng Bình	4	tri u sp/năm
6	Nhà máy May Tuyên Quang	3	tri u sp/năm
7	Đ án V i Yarndyed	10	tri u mét/năm
8	Nhà máy S i Phú H ng	4,770	t n/năm
9	Nhà máy May Vinatex Kiên Giang	4	tri u sp/năm
10	Đ án D t Nhu m mi n Trung	24	tri u mét
11	Nhà máy may Vinatex B ng S n	8	tri u sp/năm
12	Nhà máy S i Đ ng V n 1	5,500	t n/năm

Ng u n: Vinatex

Tuy nhiên hi u qu ho t đ ng ch a t ng x ng v i t m v c c a Vinatex

C p nh t k t qu kinh doanh 9 tháng 2016:

Vinatex đ t t ng doanh thu thu n 11.288 t đ ng, g n nh không tăng tr ng đáng k so v i cùng kỳ năm tr c trong khi kim ng ch xu t kh u đ t may c a Vi t Nam trong 9 tháng tăng tr ng kho ng 4,9%. L i nhu n sau thu đ t 257 t đ ng, tăng tr ng 12,7% so v i cùng kỳ, ch y u là do c t gi m chi phí và l i nhu n không c t l i đ t bi n t Công ty m . Các đ i m nh n chính trong KQKD 9T 2016 bao g m:

- ❖ Biên l i nhu n g p gi m nh t 11,8% còn 11,4% ch y u là do m t s nhà máy v a đi vào ho t đ ng còn đ ng trong giai đ o n l đ án bao g m Nhà máy May Kiên Giang, Nhà máy D t v i Yarndyed, Nhà máy S i Nam Đ nh và Phú C ng.
- ❖ Chi phí bán hàng và chi phí qu n lý gi m 11,2% qua đó t l trên doanh thu thu n cũng gi m t 10,2% còn g n 9%.

- ❖ Chi phí tài chính tăng mạnh 28,6% do không còn lãi vay vốn hoá vào tài sản cố định liên quan đến các dự án và a đã có trên.
- ❖ Lợi nhuận khác tăng 95 tỷ đồng, tăng hơn 6 lần so với cùng kỳ, chủ yếu là do chuyển nhượng quyên vốn đồng tăng tại Khu công nghiệp An Đông – Đà Nẵng.

Hiệu quả hoạt động:

Tập đoàn sở hữu có thể thấy hiệu quả hoạt động của Vinatex còn kém hơn rất nhiều so với mức trung bình ngành và hầu hết các công ty, đặc biệt là các công ty sinh lời trên vốn chủ sở hữu do: (i) bộ máy quản lý công nghệ, đặc biệt là Công ty mẹ khi cho biên hoạt động và biên ròng thấp; (ii) khả năng tạo ra doanh thu trên tài sản chủ sở hữu cao do Tập đoàn đầu tư dàn trải và nhiều dự án tài sản công dồn trên chuỗi giá trị dệt may nên hiệu quả mặt sản phẩm đầu ra còn thấp.

Hình 6: Hiệu quả của các doanh nghiệp trong ngành Dệt may

Chỉ số 2015	VGT	Bình quân	TCM	KMR	GMC	VGG	TNG	EVE	NPS	HDM
GPM (%)	12,3%	18,2%	15,3%	22,2%	16,8%	11,9%	18,1%	36,0%	14,1%	11,5%
OPM (%)	5,4%	7,0%	7,9%	6,6%	5,3%	4,7%	8,6%	16,9%	1,4%	4,5%
NPM (%)	3,5%	4,5%	5,5%	0,5%	4,6%	4,9%	3,7%	12,9%	0,9%	3,0%
ROE	5,2%	17,1%	17,2%	0,4%	26,5%	31,1%	16,6%	12,6%	1,1%	31,7%
ROA	2,0%	5,8%	6,1%	0,3%	8,2%	9,2%	4,4%	10,3%	0,5%	7,3%
Vòng quay TS	0,81	1,31	1,20	0,53	1,78	2,04	1,16	0,78	0,48	2,48

Nguồn: Bloomberg

Quyền sở hữu đất đai là một trong những điểm mạnh quan trọng của Vinatex

Giống như các doanh nghiệp Nhà nước khác, Vinatex sở hữu rất nhiều quyền sở hữu đất đai có giá trị cao bất kể từ các nhà máy, nhà xưởng và văn phòng làm việc cũ, đặc biệt là mặt sản phẩm dệt và vàng có diện tích lớn tại Hà Nội. Chúng tôi đoán đây có thể là lý do chính giải thích vì sao trong danh sách công đồng lớn của Vinatex có tên của Tập đoàn Vingroup.

Hình 7: Một số sở hữu đất đai của Vinatex

STT	Vị trí	Diện tích (m2)	Hiện trạng
1	25 Bà Triệu - Hoàn Kiếm - Hà Nội	995	Văn phòng
2	32 Tràng Thi - Hoàn Kiếm - Hà Nội	677,7	Văn phòng
3	28 Ngõ 53 Phố Giang - Long Biên - Hà Nội	5.752,2	Nhà xưởng + VP
4	2 Lê Thánh Tông - Hoàn Kiếm - Hà Nội	236,7	Văn phòng
5	41A Lý Thái Tổ - Hoàn Kiếm - Hà Nội	2064	Văn phòng

6	10 Nguyễn Huệ - Quận 1 – TP.HCM	488	Văn phòng
7	31-41-43 Bến Chín Ngang - Quận 1 – TP.HCM	962,6	Văn phòng
8	524 Minh Khai - Hai Bà Trưng - Hà Nội	22.355,9	Nhà xđ ng + VP
9	250 Minh Khai - Hai Bà Trưng - Hà Nội	2.265,6	Nhà xđ ng + VP
10	67 Ngô Thì Nhậm - Hoàn Kiếm - Hà Nội	14.743,9	Nhà xđ ng + VP
11	Lô đất 1009 - Thới Ngạc Hồ - Quận Tân Bình – TP.HCM	2.292	Văn phòng

Người n: Vinatex

Quan đi m đ u t

Vinatex s niêm y t 500 tri u c phí u lên sàn UPCOM vào ngày 03/01/2017 v i giá kh i đi m 13.500 đ ng/c phí u, t ng ng v i P/E 15,31x, P/B 0,91x và P/S 0,51x. Tuy các ch s đnh giá này cao h n so v i m c trung bình ngành c a các công ty đ t may đã niêm y t Vi t Nam, chúng tôi cho r ng m c giá chào sàn nh trên v n đáng đ xem xét cho danh m c đ u t dài h n v i nh ng lu n đi m đ u t nh sau: (i) Ngành đ t may v n là ngành mà Vi t Nam có l i th so sánh t ng đ i trong khu v c và trên th gi i, (ii) v th và th ng hi u c a Vinatex trong ngành; (iii) s h u chu i cung c ng khép kín, s n sàng đ h ng l i t các hi p đnh t do th ng m i; (iv) s h u kh i tài s n đ t đ i có giá tr l n, là tâm đi m chú ý c a nh u nhà đ u t t ch c l n; (v) tr thành Công ty đ i chúng đã niêm y t, kỳ v ng áp l c đ lu n và nhà đ u t s khi n hi u qu c a Vinatex ngày càng đ c c i thi n.

Hình 8: So sánh các ch s đnh giá v i các doanh nghi p trong ngành Đ t may

Ch s 12T	VGT	B.Quân	TCM	KMR	GMC	VGG	TNG	EVE	NPS	HDM
P/E	15,31	9,90	8,07	18,14	5,30	7,04	4,61	8,32	21,67	6,08
P/B	0,91	1,12	0,81	0,46	1,48	1,84	0,81	1,06	0,61	1,90
P/S	0,51	0,44	0,24	0,65	0,22	0,26	0,20	1,15	0,58	0,18

Người n: Bloomberg

CH ả S ả T ảI CH ảNH

K ả t qu ả kinh doanh					
Đ ả n v ả (t ả VND)	2012	2013	2014	2015	9T2016
Doanh thu	12.431	10.954	13.461	15.159	11.288
Giá v ả n	(10.930)	(9.619)	(11.927)	(13.293)	(10.002)
L ả i nhu ả n g ả p	1.501	1.335	1.534	1.866	1.285
Doanh thu tài chính	591	210	236	442	237
Chi phí tài chính	(463)	(300)	(331)	(689)	(409)
L ả i nhu ả n sau thu ả	500	198	312	382	257

B ả ng cân đ ả i k ả to ản					
Đ ả n v ả (t ả VND)	2012	2013	2014	2015	9T2016
Ti ả n & kho ả n t ả ng đ ả ng ti ả n	891	1.299	2.545	2.472	2.197
Các kho ả n ph ả i thu ng ả n h ả n	1.345	1.169	2.230	2.238	2.338
Hàng t ả n kho	1.613	1.762	2.849	2.833	2.557
Tài s ả n c ả đ ả nh h ả u hình	2.114	2.742	4.448	4.547	5.640
Các kho ả n đ ả u t ả tài chính dài h ả n	2.193	2.093	1.869	1.993	2.210
T ả ng tài s ả n	11.179	11.830	17.781	18.811	19.378
N ả ng ả n h ả n	4.433	4.532	7.223	6.842	6.377
N ả dài h ả n	1.231	1.617	4.026	4.636	5.601
V ả n ch ả s ả h ả u	4.863	4.964	6.533	7.333	7.399
T ả ng ngu ả n v ả n	11.179	11.830	17.781	18.811	19.378

Ch ả s ả tài chính				
Ch ả tiêu	2012	2013	2014	2015
Ch ả tiêu tăng tr ả ng				
Tăng tr ả ng doanh thu (%)	-36,7%	-11,9%	22,9%	12,6%
Tăng tr ả ng l ả i nhu ả n sau thu ả (%)	3,0%	-60,4%	57,6%	22,6%
Ch ả tiêu sinh l ả i				
L ả i nhu ả n g ả p biên (%)	12,1%	12,2%	11,4%	12,3%
L ả i nhu ả n thu ả n biên (%)	4,0%	1,8%	2,3%	2,5%
ROA (%)	4,0%	1,7%	2,1%	2,1%
ROE (%)	10,4%	4,0%	5,4%	5,5%
Ch ả tiêu c ả c ả u v ả n				
T ả ng n ả /T ả ng tài s ả n (%)	0,51	0,52	0,63	0,61
T ả ng n ả /T ả ng v ả n ch ả s ả h ả u (%)	1,16	1,24	1,72	1,57
Ch ả tiêu trên m ả i c ả ph ả n				
EPS (đ ả ng/c ả ph ả n)	1.163	462	725	764
Giá tr ả s ả sách (đ ả ng/c ả ph ả n)	11.311	11.582	15.193	14.666

TUYÊN BỐ TRÁCH NHIỆM

Tôi, chuyên viên Truyền thông Số Phú xin khẳng định hoàn toàn trung thực và không có động cơ cá nhân khi thực hiện báo cáo này. Tất cả thông tin nêu trong báo cáo này đều được thu thập từ nguồn tin cậy và đã được tôi xem xét cẩn thận. Tuy nhiên, tôi không đảm bảo tính đầy đủ cũng như chính xác tuyệt đối của mọi thông tin nêu trên. Các quan điểm, nhận định trong báo cáo này chỉ là quan điểm riêng của cá nhân tôi mà không hàm ý chào bán, lôi kéo nhà đầu tư mua, bán hay nắm giữ chứng khoán. Báo cáo chỉ nhằm mục đích cung cấp thông tin và nhà đầu tư nên cân nhắc báo cáo phân tích này như một nguồn tham khảo. **Cá nhân tôi** cũng như **Công ty Cổ phần Chứng khoán Bảo Việt** sẽ không chịu bất kỳ trách nhiệm nào trước nhà đầu tư cũng như đối tượng đầu tư nào được đề cập trong báo cáo này vì những thiệt hại có thể xảy ra khi đầu tư hoặc nghe thông tin sai lệch từ doanh nghiệp.

Báo cáo này là một phần tài sản của Công ty Cổ phần Chứng khoán Bảo Việt, tất cả mọi hành vi sao chép, trích dẫn một phần hay toàn bộ báo cáo này phải được sự đồng ý của Công ty Cổ phần Chứng khoán Bảo Việt.

LIÊN HỆ

Phòng Phân tích và Tư vấn Đầu tư - Công ty Cổ phần Chứng khoán Bảo Việt

Bộ phận Phân tích Ngành & Doanh nghiệp

Lưu Văn Long

Phó Giám đốc khu vực

luuvanluong@baoviet.com.vn

Lê Đăng Phương

Phó Giám đốc khu vực

ledangphuong@baoviet.com.vn

Nguyễn Thu Hà

Ngân hàng, Bảo hiểm

nguyenthuha@baoviet.com.vn

Nguyễn Thị Hải Yến

Hàng hóa tiêu dùng

nguyenthihaiyenB@baoviet.com.vn

Cheth Mai Trang

Thép, Phân bón, Điện

chethmaitrang@baoviet.com.vn

Lê Duy Khánh

Đầu khí

leduykhanh@baoviet.com.vn

Phan Thùy Trang

Cao su tự nhiên, Mía đường

phanthuytrang@baoviet.com.vn

Nguyễn Chí Hồng Ngọc

Bất động sản

nguyenchihongngoc@baoviet.com.vn

Đinh Thị Thu Thảo

Công nghiệp & Logistics

dinhthithuthao@baoviet.com.vn

Trần Ngọc Sơn Phú

Ô tô & Phụ tùng

truongsyphu@baoviet.com.vn

Nguyễn Tiễn Dũng

Công nghệ thông tin

nguyentientung@baoviet.com.vn

Hà Thị Thu Hằng

Điện máy

hathithuhang@baoviet.com.vn

Đoàn Ngọc Diệp

Vật liệu xây dựng

duongduchieu@baoviet.com.vn

Thái Anh Hào

Hàng tiêu dùng khác

thaianhhao@baoviet.com.vn

Bộ phận Vĩ mô & Thị trường

Nguyễn Xuân Bình

Phó Giám đốc khu vực

nguyentuanbinh@baoviet.com.vn

Bách Ngọc Thạch

Kinh tế thị trường

bachngocthang@baoviet.com.vn

Trần Hải Yến

Chuyên viên vĩ mô

tranhaiyen@baoviet.com.vn

Trần Đức Anh

Chỉ số thị trường

tranducanh@baoviet.com.vn

Trần Xuân Bách

Phân tích kỹ thuật

tranxuanbach@baoviet.com.vn



Công ty Cổ phần Chứng khoán Bảo Việt

Trụ sở chính:

- 8 Lê Thái Tổ, Hoàn Kiếm, Hà Nội
- Tel: (84 4) 3 928 8080

Chi nhánh:

- Tầng 8, 233 Đường Khố, Quận 1, Tp. HCM
- Tel: (84 8) 3 914 6888